

Số: 642/QĐ-ĐHDL

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chi tiền hỗ trợ chi phí học tập kỳ II năm học 2025-2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐT ngày 30/05/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của chính phủ. Quy định về mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-ĐHDL ngày 16/01/2020 của Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, được điều chỉnh bổ sung một số điều của Quy chế chi tiêu nội bộ theo Quyết định số 831/QĐ-ĐHDL ngày 27/5/2024;

Căn cứ biên bản số 692/BB-ĐHDL ngày 19/3/2026 của Hội đồng miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập học kỳ II năm học 2025-2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch - tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chi tiền hỗ trợ chi phí học tập theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg (có danh sách kèm theo) với tổng số tiền là: 77.220.000 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi bảy triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng).

Điều 2. Thời gian chi tiền hỗ trợ chi phí học tập là 05 tháng của học kỳ II năm học 2025-2026.

Điều 3. Trưởng các đơn vị: Phòng CTSV; Phòng KH-TC; Phòng Quản lý đào tạo; các Khoa và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phó Hiệu trưởng (để biết);
- Đăng Công TTSV;
- Luru VT, CTSV, HườngNTT (02).

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
Đinh Văn Châu

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo quyết định số 6.42/QĐ-ĐHDL ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Trường Đại học Điện lực)

TT	Mã Sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tên lớp	Khoa	Đối tượng	Mức miễn, giảm	Lương cơ bản (VNĐ)	Tỷ lệ	Số tháng	Số tiền được nhận (VNĐ)
1	25810610108	Bùi Mạnh Tường	22/06/2007	D20CKCTM2	Cơ khí - Ô tô và Xây dựng	Dân tộc + Hộ nghèo	60%	2.340.000	60%	5	7.020.000
2	25810650153	Nguyễn Minh Triết	17/01/2007	D20XDDD&CN	Cơ khí - Ô tô và Xây dựng	Dân tộc + Hộ nghèo	60%	2.340.000	60%	5	7.020.000
3	22810310019	Lò Văn Anh	28/01/2004	D17CNPM1	Công nghệ thông tin	Dân tộc + Hộ nghèo	60%	2.340.000	60%	5	7.020.000
4	22810310018	Nông Đăng Địch	20/11/2004	D17CNPM1	Công nghệ thông tin	Dân tộc + Hộ nghèo	60%	2.340.000	60%	5	7.020.000
5	23810830218	Hoàng Thị Phương Thảo	14/06/2005	D18KT&KS	Kế toán - Tài chính	Dân tộc + Hộ nghèo	60%	2.340.000	60%	5	7.020.000
6	23810810076	Lò Thị Hạnh	25/07/2005	D18KTDN1	Kế toán - Tài chính	Dân tộc + Hộ nghèo	60%	2.340.000	60%	5	7.020.000
7	23810840146	Hoàng Thùy Linh	05/11/2005	D18NGANHANG	Kế toán - Tài chính	Dân tộc + Hộ nghèo	60%	2.340.000	60%	5	7.020.000
8	24810170068	Hà Nguyễn Xuân Huy	11/14/2006	D19DCN&DD1	Kỹ thuật điện	Dân tộc + Hộ nghèo	60%	2.340.000	60%	5	7.020.000
9	25810110152	Lý Đức Quân	17/07/2005	D20H2	Kỹ thuật điện	Dân tộc + Hộ nghèo	60%	2.340.000	60%	5	7.020.000
10	25810760043	Lương Như Quỳnh	10/09/2007	D20MARKETING	Quản trị kinh doanh và Du lịch	Dân tộc + Hộ nghèo	60%	2.340.000	60%	5	7.020.000
11	25819140075	Vy Xuân Hương	15/07/2007	D20QLMTCN2	Năng lượng mới	Dân tộc + Hộ nghèo	60%	2.340.000	60%	5	7.020.000
TỔNG										5	7.020.000
											77.220.000

Số tiền bằng chữ: Bảy mươi bảy triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng./.

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thị Thu Hương

PHÒNG CTSV



Phùng Thị Xuân Bình

PHÒNG KHTC



Lê Văn Nhất

